

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG HUNG
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Án số: 58/2019/HNGĐ - ST
Ngày 18/11/2019
V/v: Tranh chấp hôn nhân và
gia đình

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HUNG, TỈNH THÁI BÌNH**

Th phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Lan Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đình Cự
2. Bà Nguyễn Thị Vĩnh

Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Lê Nhung, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

Đại diện VKSND huyện Đông Hưng tham gia phiên tòa: Bà Lại Thị Giang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 92/2019/TLST-HNGĐ ngày 05/8/2019 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2019/QĐXX- ST ngày 24 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2019/QĐST - HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Trung Th, sinh năm 1958

- **Bị đơn:** Bà Vũ Thị Tr, sinh năm 1957

Cùng địa chỉ: Thôn Tân Bình, xã H, huyện Đ, tỉnh T.

(Tại phiên tòa có mặt ông Th, bà Tr)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải nguyên đơn ông Nguyễn Trung Th trình bày: Ông và bà Tr kết hôn năm 1979 do tự nguyện tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh T. Do thời gian đã lâu nên ông không còn giữ được giấy chứng nhận đăng ký kết hôn, sổ đăng ký kết hôn của Ủy ban nhân dân xã H bị mất. Vợ chồng ông chung sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xảy ra cãi nhau. Vào năm 2010, ông có

nộp đơn xin ly hôn bà Tr tại Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình. Sau đó ông được Tòa án tiến hành hòa giải nên ông đã rút đơn về. Tuy nhiên sau khi rút đơn ly hôn ông và bà Tr vẫn không giải quyết được mâu thuẫn, bà Tr vẫn không thay đổi tính nết nên ông và bà Tr không thể đoàn tụ được. Cuộc sống của vợ chồng ông không hạnh phúc từ năm 2010, ông thấy mâu thuẫn vợ chồng ông đã quá trầm trọng, việc sống cùng với bà Tr làm cho ông thấy cuộc sống quá áp lực. Mặt khác bà Tr sống không hòa đồng, không biết đối nội, đối ngoại; cư xử cứng nhắc, nói năng không tế nhị nên nhiều anh em, bạn bè không ai muốn đến nhà ông. Vợ chồng ông đã ly thân từ 2015 đến nay. Nay xét thấy cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài và hàn gắn được nữa vì những mâu thuẫn quá trầm trọng, ông xin được ly hôn bà Tr.

Về con chung: Ông và bà Tr có 02 con chung là Nguyễn Thị H, sinh năm 1982 và Nguyễn Thị H1, sinh năm 1988. Hiện hai con đều đã trưởng Th, tự lập về kinh tế nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Vũ Thị Tr là bị đơn trình bày: Bà kết hôn với ông Nguyễn Trung Th năm 1979 do tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh T. Do thời gian đã lâu nên bà không còn giữ được giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được 40 năm không có mâu thuẫn gì. Ông Th đi làm ăn xa thứ bảy, chủ nhật mới về nhà nhưng bà vẫn vun đắp cho gia đình nuôi dạy con cái. Khoảng năm 2010 ông Th có làm đơn xin ly hôn bà tại Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, Thẩm phán đã thụ lý và hòa giải tình cảm của vợ chồng bà, sau đó ông Th rút đơn để vợ chồng đoàn tụ. Sau khi ông Th rút đơn để vợ chồng về đoàn tụ bà đã cố gắng chăm sóc chồng, tuy nhiên do hai con gái bà đi lấy chồng nhưng không có người trông nom cháu ngoại để các con đi làm nên bà đã cáng đáng việc trông nom các cháu ngoại đỡ đần con gái. Bà hứa sẽ hoàn thiện bản thân, chăm sóc chồng chu đáo hơn vì trước đây do mãi chăm cháu nên bà đã sao nhãng việc chăm sóc chồng. Khi nào ông Th về ở với bà cùng mái nhà thì bà sẽ chăm sóc ông Th chu đáo. Vợ chồng bà chưa sống ly thân. Nay ông Th xin ly hôn, bà xin đoàn tụ, bà không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Bà và ông Th có 02 con chung là Nguyễn Thị H, sinh năm 1982 và Nguyễn Thị H1, sinh năm 1988. Hiện hai con đều đã trưởng Th, tự lập về kinh tế nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn ông Nguyễn Trung Th vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với bà Vũ Thị Tr. Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị H, sinh năm

1982 và Nguyễn Thị H1, sinh năm 1988. Hiện hai con đều đã trưởng Th, tự lập về kinh tế nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn là bà Vũ Thị Tr trình bày: Ông Th xin ly hôn bà không đồng ý ly hôn. Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị H, sinh năm 1982 và Nguyễn Thị H1, sinh năm 1988. Hiện hai con đều đã trưởng Th, tự lập về kinh tế nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn – ông Nguyễn Trung Th, bị đơn - bà Vũ Thị Tr đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trung Th: Xử cho ông Nguyễn Trung Th được ly hôn bà Vũ Thị Tr. Về con chung, các con đã trưởng Th không đặt ra giải quyết. Về tài sản chung, ông Th, bà Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, nên Tòa án không giải quyết về tài sản

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Trung Th và bà Vũ Thị Tr đều có hộ khẩu thường trú tại Thôn T, xã H, huyện Đ, tỉnh T, căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình giải quyết vụ án là đúng pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Trung Th và bà Vũ Thị Tr khai ông bà tự nguyện kết hôn năm 1979, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh T. Giấy đăng ký kết hôn của vợ chồng do thời gian quá lâu nên không còn và hồ sơ đăng ký kết hôn của Ủy ban nhân dân xã H bị mất. Ông Th, bà Tr khai năm 2010 ông Th đã làm đơn xin ly hôn bà Tr tại Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng sau đó ông Th rút đơn để vợ chồng đoàn tụ. Ông Th cho rằng sau khi rút đơn để vợ chồng đoàn tụ nhưng cuộc sống của vợ chồng ông vẫn mâu thuẫn, không có hạnh phúc, việc sống cùng với bà Tr làm cho ông thấy cuộc sống quá áp lực. Bà Tr khai do hai con gái bà đi lấy chồng nhưng không có người trông nom cháu ngoại để các con đi làm nên bà đã cáng đáng việc trông nom các cháu ngoại đỡ đần con gái, do mãi chăm cháu nên bà đã sao nhãng việc chăm sóc chồng. Ông Th xin ly hôn bà Tr không đồng ý ly hôn, bà

xin đoàn tụ. Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã H thì ông Th, bà Tr chung sống với nhau từ năm 1979, sổ đăng ký kết hôn năm 1979 của Ủy ban nhân dân xã H không còn lưu trữ nên Ủy ban nhân dân xã H không xác định ông Th và bà Tr có đăng ký kết hôn hay không. Quá trình chung sống ông Th và bà Tr mâu thuẫn như thế nào thì địa phương không nắm được. Ông Th xin ly hôn bà Tr đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Tại điểm a mục 3 của Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 về thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định: Trong trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03 tháng 01 năm 1987, ngày Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực mà chưa đăng ký kết hôn thì được khuyến khích đăng ký kết hôn; trong trường hợp có yêu cầu ly hôn thì được Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông Th và bà Tr đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Th xử cho ông Th được ly hôn bà Tr là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Ông Th và bà Tr có 02 con chung là Nguyễn Thị H, sinh năm 1982 và Nguyễn Thị H1, sinh năm 1988. Hai con đã trên 18 tuổi trưởng Th, tự lập về kinh tế nên không đặt ra giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Ông Th, bà Tr thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không giải quyết về tài sản chung vợ chồng giữa ông Th và bà Tr.

[3] Về án phí: Ông Th phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Ông Th, bà Tr có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 266; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a, mục 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ - QH 10 ngày 09/6/2000 về việc thi hành luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Nguyễn Trung Th được ly hôn bà Vũ Thị Tr .

2. Về con chung: Ông Th và bà Tr có 02 con chung là Nguyễn Thị H, sinh năm 1982 và Nguyễn Thị H1, sinh năm 1988. Hai con đã trên 18 tuổi trưởng Th, tự lập về kinh tế nên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung: Tòa án không giải quyết về tài sản.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Trung Th phải chịu 300.000đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000đồng ông Th đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí số 0008112 ngày 05/8/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Hưng thành tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Trung Th và bà Vũ Thị Tr. có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Đường sự, UBND xã H;
- Lưu.

(Đã ký)

Phạm Thị Lan Phương